

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2021/HSST

Ngày: 21/6/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Quốc Thái Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quang và bà Đinh Thị Mỹ Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Yến Nhi - Thư ký của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Kim Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 45/2021/TLST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2021, đối với bị cáo:

LỮ NGỌC N (Tên gọi khác: **Bì**); Sinh năm: 1972; Nơi sinh: V, Khánh Hòa; Nơi cư trú: Thôn Xuân Đông, xã Vạn Hưng, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; Giới tính: Nữ; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Tiền án - Tiền sự: Không; Con ông: Lữ Tiến X (đã chết) và bà: Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1954; Chồng: Không có; Có 02 con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2012;

Bị cáo bị bắt ngày **26/02/2021**, theo Quyết định truy nã số 14 ngày 12/11/2015 của Cơ quan CSĐT Công an thị xã L, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã L. (Có mặt)

* **Bị hại:** Ông **Bùi Văn H**, sinh năm 1961. Nơi cư trú: Khu phố 1, phường Tân Thiện, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ ngày 03/8/2015, Lữ Ngọc N đến Công viên phường Phước Lộc, thị xã L ngồi chơi thì gặp ông Bùi Văn H làm nghề chạy xe ôm. N rủ Ông H đi chơi, tâm sự thì Ông H đồng ý rồi điều khiển xe mô tô nhãn hiệu ORIENTAL, màu nâu, biển số 86K7- 2257 chở N đi ăn lẩu. Sau khi ăn xong, N và Ông H thuê phòng tại nhà nghỉ Thủy Anh ở khu phố 3, phường Tân Thiện, thị xã

L và quan hệ tình dục với nhau tại đây. Sau đó, cả hai đi ra ngoài uống cà phê rồi về lại nhà nghỉ Thủy Anh, trên đường về Ông H và N có ghé mua vài lon bia để về phòng uống tiếp. Sau khi uống bia xong, N và Ông H tiếp tục quan hệ tình dục rồi đi ngủ. Đến khoảng 00 giờ 30 phút sáng ngày 04/8/2015, thấy Ông H đang ngủ say nên N lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Nokia X2 để trên bàn, lục túi quần lấy trộm chìa khóa xe và giấy chứng nhận đăng ký xe của Ông H. Sau đó, N đi xuống lấy chiếc xe mô tô biển số 86K7- 2257 của Ông H rồi điều khiển xe lên Ngã ba 46 thuộc thị trấn A, huyện Hàm Tân. Đến sáng cùng ngày, N điều khiển xe đến Ngã ba Dầu Giây, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai bán xe cho một người đàn ông không rõ nhân thân lai lịch được 2.900.000 đồng. Sau đó, N bắt xe về thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Tại đây, N bán chiếc điện thoại di động hiệu Nokia X2 cho một tiệm điện thoại được 300.000 đồng. Toàn bộ số tiền bán xe và điện thoại, N tiêu xài hết.

Đến ngày 01/10/2015, N từ thành phố Nha Trang về lại thị xã L. Khi N đang đi bộ tại khu vực gần bến xe thị xã L thì bị ông Bùi Văn H phát hiện và chở đến Công an phường T trình báo sự việc. Sau đó, Công an phường T tiến hành lập biên bản và chuyển hồ sơ đến Cơ quan CSĐT Công an thị xã L để xử lý theo quy định.

Quá trình điều tra, Lữ Ngọc N bỏ trốn nên bị Cơ quan CSĐT Công an thị xã L ra quyết định truy nã vào ngày 12/11/2015. Đến ngày 26/02/2021, Công an thị trấn Vạn Giã, huyện V, tỉnh Khánh Hòa bắt được và bàn giao cho Cơ quan CSĐT Công an thị xã L để xử lý.

Về vật chứng của vụ án: Cơ quan CSĐT Công an thị xã L không thu hồi được. Ngày 14/10/2015, Cơ quan CSĐT Công an thị xã L ra quyết định trưng cầu định giá tài sản qua hồ sơ.

Theo Kết luận định giá tài sản số 74/KL-ĐGTS ngày 16/10/2015 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã L, kết luận: 01 xe mô tô hiệu ORIENTAL, số loại 100A1 (kiểu dáng Dream), màu nâu, biển số 86K7- 2257, xe đã qua sử dụng, có giá trị là 3.000.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia X2, điện thoại đã qua sử dụng, có giá trị là 300.000 đồng. Tổng giá trị tài sản định giá: 3.300.000 đồng.

Về dân sự: Gia đình bị cáo Lữ Ngọc N đã bồi thường cho bị hại ông Bùi Văn H số tiền 5.000.000 đồng, Ông H đã nhận tiền và không yêu cầu bị cáo N bồi thường gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 50/CT-VKSLG-HS ngày 06/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố bị cáo Lữ Ngọc N, về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L giữ quyền công tố tại phiên tòa trình bày bản luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Lữ Ngọc N như nội dung bản cáo trạng nêu và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Lữ Ngọc N, phạm tội: “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng: Khoản 1 Điều 138;

Điểm b, điểm h, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Phạt: Bị cáo Lữ Ngọc N, mức án từ 09 đến 12 tháng tù.

- Bị cáo Lữ Ngọc N không có ý kiến cũng như tranh luận gì đối với quan điểm của đại diện VKSND thị xã L.

- Bị cáo Lữ Ngọc N nói lời nói sau cùng: Hành vi của bị cáo là sai, vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của bị cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã L, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lữ Ngọc N khai nhận: Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 04/8/2015, tại nhà nghỉ Thủy Anh thuộc khu phố 3, phường Tân Thiện, thị xã L. Lợi dụng lúc ông Bùi Văn H ngủ say, bị cáo Lữ Ngọc N đã lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Nokia X2 và 01 xe máy hiệu ORIENTAL biển số 86K7- 2257 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe của Ông H. Sau đó, bị cáo N đem xe đến khu vực ngã ba Dầu Giây, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai bán cho một người đàn ông (không rõ nhân thân, lại lịch) được 2.9000.000 đồng, rồi bị cáo N đón xe khách về thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, tại đây bị cáo N bán chiếc điện thoại di động hiệu Nokia X2 cho một tiệm điện thoại được 300.000 đồng. Toàn bộ số tiền bán xe và điện thoại, bị cáo N tiêu xài cá nhân hết.

Theo Kết luận định giá tài sản số 74/KL-ĐGTS ngày 16/10/2015 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã L, kết luận: 01 xe mô tô hiệu ORIENTAL, số loại 100A1 (kiểu dáng Dream), màu nâu, biển số 86K7- 2257, xe đã qua sử dụng, có giá trị là 3.000.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia X2, điện thoại đã qua sử dụng, có giá trị là 300.000 đồng. Tổng giá trị tài sản định giá: 3.300.000 đồng.

Hành vi trên của bị cáo Lữ Ngọc N đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Xét thấy, bị cáo Lữ Ngọc N thực hiện hành vi phạm tội trước 00 giờ 00 phút ngày 01/01/2018. Do đó, cáo trạng số: 50/CT-VKSLG-HS ngày 06/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố bị cáo Lữ Ngọc N, về tội danh, điều luật áp dụng nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo Lữ Ngọc N, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có sức khỏe để lao động tạo thu nhập chính đáng, nhưng với bản tính tham lam, chây lười lao động, muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động vất vả, nên đã lợi sự sơ hở, mất cảnh giác trong việc quản lý tài sản của bị hại để chiếm đoạt tài sản, nhằm mục đích tiêu xài cá nhân. Hành vi phạm tội của bị cáo Lữ Ngọc N là cố ý, gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, xem thường pháp luật, gây mất an toàn trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự của địa phương. Hơn Na, trong quá trình điều tra, bị cáo không chấp hành việc triệu tập của cơ quan tiến hành tố tụng mà bỏ trốn khỏi địa phương trong một thời gian dài, đã gây khó khăn cho công tác điều tra giải quyết án. Vì vậy, cần phải có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra để răn đe, giáo dục bị cáo, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- *Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Không có.

- *Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Quá trình điều tra, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại, được bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Trình độ học vấn không biết chữ nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế; Hoàn cảnh gia đình của bị cáo rất khó khăn, bị cáo làm mẹ đơn thân, con còn nhỏ. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các Điểm b, điểm h, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

[5] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, gia đình bị cáo Lữ Ngọc N đã thỏa thuận bồi thường số tiền 5.000.000 đồng cho bị hại ông Bùi Văn H. Tại Tòa, bị hại vắng mặt, tuy nhiên căn cứ đơn xin xét xử vắng mặt thì Ông H không yêu cầu bị cáo N bồi thường gì thêm về phần dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo Lữ Ngọc N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; Bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] **Căn cứ vào:**

- Khoản 1 Điều 138; điểm b, điểm h, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009);

- Khoản 2 Điều 135; Khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Lữ Ngọc N, phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Lữ Ngọc N **09** (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày **26/02/2021**.

[2] Về án phí: Bị cáo Lữ Ngọc N phải nộp **200.000** (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn **15** (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn **15** (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

*** Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- CA tỉnh Bình Thuận;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- Chi cục THADS thị xã L;
- Công an thị xã L;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS - Lưu Tòa án;
- UBND địa phương nơi BC cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Từ Quốc Thái Bình

